

Bản án số: 126/2026/DS-ST

Ngày 07/8/2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Cảnh.

Ông Nguyễn Tân Quý.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vương Hoàng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2026/DS-ST ngày 21/01/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2026/QĐXXST-DS ngày 06/7/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Doãn Thị Kim D, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp C, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1992 và ông Trần Thanh H, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: Ấp C, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng vào khả năng trả nợ của bà Hoàng Thị T và ông Trần Thanh H nên ngày 15/4/2021 bà D có cho bà T, ông H vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời gian vay: kể từ ngày 15/4/2021 đến ngày 15/12/2021.

Việc vay tiền hai bên có lập văn bản “Giấy chứng nhận có vay tiền”. Bà T và ông H ký tên, ghi rõ họ tên xác nhận nợ và cam kết thanh toán đúng hạn. Tuy nhiên, đã quá hạn nhưng bà T và ông H không trả nợ cho bà D như cam kết.

Bà D đã nhiều lần yêu cầu bà T và ông H trả nợ nhưng ông H, bà T chỉ hứa mà không thực hiện.

Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Hoàng Thị T và ông Trần Thanh H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà D số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Bà D yêu cầu tính lãi suất là 1,6%/ tháng kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 07/7/2026, bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu buộc bị đơn trả lãi suất.

Bị đơn bà Hoàng Thị T và ông Trần Thanh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy vay tiền ngày 15/4/2021 được ký kết giữa nguyên đơn bà Doãn Thị Kim D và bị đơn bà Hoàng Thị T và ông Trần Thanh H. Xác định giữa nguyên đơn và các bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản cụ thể bị đơn vay nguyên đơn số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn vay theo Giấy vay tiền các bên thỏa thuận từ ngày 15/4/2021 đến ngày 15/12/2021. Nguyên đơn có văn bản rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn trả lãi suất là sự tự nguyện của nguyên đơn. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với các bị đơn tại Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 (sau đây gọi là Bộ luật Tố tụng dân sự), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Các bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại Bản tự khai ngày 07/7/2026, nguyên đơn bà **D** thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả lãi suất, chỉ yêu cầu bị đơn bà **Hoàng Thị T** và ông **Trần Thanh H** liên đới thanh toán số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi suất. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nội dung vụ án: Nguyên đơn bà **Doãn Thị Kim D** yêu cầu các bị đơn liên đới thanh toán số tiền gốc 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: “Giấy chứng nhận có vay tiền” (đã đối chiếu bản chính) được ký kết giữa nguyên đơn bà **Doãn Thị Kim D** với bị đơn bà **Hoàng Thị T** và ông **Trần Thanh H** ngày 15/4/2021.

[5.1] Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Bị đơn bà **Hoàng Thị T** và ông **Trần Thanh H** đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia buổi làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[5.2] Xét tài liệu chứng cứ “Giấy chứng nhận có vay tiền” do nguyên đơn cung cấp (bút lục số 02) làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện có căn cứ xác định: Ngày 15/4/2021, nguyên đơn bà **Doãn Thị Kim D** có cho bị đơn bà **Hoàng Thị T** và ông **Trần Thanh H** vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 08 tháng từ ngày 15/4/2021 đến ngày 15/12/2021. Văn bản thoả thuận được các bên ký tên, ghi đầy đủ họ tên. Thoả thuận giữa các bên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; không có chứng cứ thể hiện các đương sự không có năng lực hành vi dân sự và không tự nguyện khi tham gia ký kết thoả thuận. Như vậy, hình thức và nội dung của thoả thuận ký kết ngày 15/4/2021 giữa các đương sự phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (sau đây gọi là Bộ luật Dân sự) nên phát sinh hiệu lực đối với các bên tham gia ký kết. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác*”. Thoả thuận vay và số tiền vay là ý chí các bên và phù hợp với quy định pháp luật,

bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

[6] Về lãi suất: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trong thời gian tranh chấp.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 5, 91, 147, 186, 227, 228, 238, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 116, 117, 357, 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Doãn Thị Kim D đối với các bị đơn bà Hoàng Thị T và ông Trần Thanh H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Buộc các bị đơn bà Hoàng Thị T và ông Trần Thanh H phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Doãn Thị Kim D số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Về xử lý tiền tạm ứng án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí.

2.2. Buộc các bị đơn bà Hoàng Thị T và ông Trần Thanh H phải liên đới nộp số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Ân